

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 tháng 4 năm 2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà: Võ Chi Lan.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Hùng.

2. Ông Trần Văn Lôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Mai Hùng Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị V, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp TN, xã BX, thị xã GC, Tiền Giang.

Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp TN, xã BX, thị xã GC, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại bản tự khai chị Lê Thị V là nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh T sống chung với nhau từ năm 1998, được Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, thị xã Gò Công cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2002. Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh V không tôn trọng chị và gia đình chị.

Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 03 người con chung tên Trần Thị Kim X, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1999; Trần Thị Kim T, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2003; Trần Thị Kim T1, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2010. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1 và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ

chung: Không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 27 luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; các điều 21, 22, 26, 35, 46, 48, 49, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 73, 92, 96, 97, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án và đương sự tuân theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị V được ly hôn với anh T; về con chung giao cháu T cho chị V trực tiếp nuôi, anh T không phải cấp dưỡng; về án phí áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH chị V chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị V ly hôn với anh T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T đã được Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và hòa giải 02 lần; Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2.] Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị V và anh T là tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, thị xã Gò Công cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2002 là hợp pháp. Thời gian chung sống chị V cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T không tôn trọng chị và gia đình bên chị; anh T được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án để có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị V nhưng anh không phản đối nên yêu cầu của chị V là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Cháu T hiện đang ở với chị V nên việc giao cháu cho chị V trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của cháu T, chị V có việc làm ổn định, thu nhập đảm bảo để nuôi.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị V chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V được ly hôn với anh Trần Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim T, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2010 cho chị Lê Thị V trực tiếp nuôi.

Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết thì chị Lê Thị V và anh Trần Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nếu có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Lê Thị V chịu 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Lê Thị V đã tạm ứng án phí tại biên lai số 0019183 ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Lê Thị V đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TXGC;
- Chi cục thi hành án dân sự TXGC;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, TXGC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ CHI LAN

